TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 05 - 2022
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Duyên Văn Hiền
Ông: Trần Hoàng Nghiệp

- Thư ký phiên toà: Bà D Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị D, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin vắng mặt)
- *Bị đơn:* Phạm văn L, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2022 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị D và anh L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (giấy chứng nhận kết hôn số 89/2011, ngày 21.12.2011). Quá trình chung sống có 1 con chung tên Phạm Trần Thảo V, sinh ngày 28/06/2012, con chung hiện chị D đang nuôi dạy.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, về tính cách, lối sống và quan điểm sống, thường xuyên cải nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Nay xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh L, về con chung có nguyện sống với ai người đó nuôi, nhưng từ khi ly thân đến nay cháu V ở

với chị D nên nguyện vọng chị D được tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu câu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Văn L: Tòa án đã triệu tập bị đơn L nhiều lần để hòa giải và để xét xử nhưng bị đơn L vắng mặt không rỏ lý do, nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn và nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Đối với bị đơn tòa án đã triệu tập đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị D và anh L không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài từ năm 2012 đến nay nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại, chị D cũng cương quyết xin ly hôn với anh L như vậy xác định chị D và anh L không còn tình cảm với nhau. Hơn nữa Tòa án đã triệu tập anh L nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng anh L vắng mặt không rỏ lý do, như vậy chứng tỏa anh L không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với chị D. Từ những nhận định trên xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận, cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh anh Phạm Văn L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Phạm Trần Thảo V sinh ngày 28/6/2012, có nguyện vọng sống với chị D, chị D cũng xác định đủ điều kiện nuôi con chung. Hơn nữa từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị D nuôi dạy cháu V chu đáo nên chấp nhận giao cháu V cho chị D nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân

và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: Anh L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này và anh L phải tôn trọng quyền của cháu V được sống với chị D là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Đối với nguyên đơn xác định tài sản chung và nợ chung là không có. Nhưng quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra khi nào bị đơn có yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[7] *Xét về án phí:* Chị D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị D.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Phạm Văn L.

Về con chung: Giao cho chị D có trách nhiệm nuôi cháu Phạm Trần Thảo V sinh ngày 28/6/2012 (cháu V hiện đang sống với chị D), anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh L thực hiện quyền này và anh L phải tôn trọng quyền của cháu V được sống với chị D.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị D đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004394 ngày 15/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển sang thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Từ Thanh Nhung